TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án Số: 372/2019/DS-PT
Ngày: 28- 8- 2019.
V/v Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:*Ông Đặng Quốc Khởi

Các thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa:Ông Lê Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Mình tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 28/8/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 208/TLPT-DS ngày 10/4/2019, về việc: *"Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất";* Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 15/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số /2019/QĐXXPT-DS ngày tháng năm 2019 giữa:

1/- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P - sinh năm 1947*(có mặt);*

Địa chỉ: ấp Tân H, xã Tân Q, huyện Bình T, tỉnh VĩnhLong.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Quang M là luật sư-Văn phòng luật sư Quang M thuộc đoàn luật sư Thành Phố Cần Thơ*(có mặt);*

2/- Bị đơn:Ông Nguyễn Tấn P1 -sinh năm 1954*(có mặt);*

Địa chỉ: ấp Tân T, xã Tân Q, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long.

3/- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1/- Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1967*(vắng mặt).*

3.2/- Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1967*(vắng mặt).*

3.3/- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1969*(vắng mặt).*

3.4/- Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1970*(vắng mặt).*

3.5/- Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1972*(vắng mặt).*

3.6/- Ông Nguyễn Thành B, sinh năm 1975*(vắng mặt).*

3.7/- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1980*(vắng mặt).*

3.8/- Bà Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1982*(vắng mặt).*

- Cùng địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân Q, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long.

3.9/- Ông Tôn Văn Q, sinh năm 1965*(vắng mặt).*

Địa chỉ: KV Hòa A, phường Thới H, quận Ô M, thành phố Cần Thơ.

3.10/- Ông Tôn Văn M1, sinh năm 1969*(vắng mặt).*

Địa chỉ: KV Hòa A, phường Thới H, quận Ô M, thành phố Cần Thơ.

3.11/- Bà Tôn Thị Mỹ C, sinh năm 1966*(vắng mặt).*

Địa chỉ: phường Tân Thới N, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh.

3.12/- Bà Huỳnh Thị Tuyết N1, sinh năm 1967*(vắng mặt).*

3.13/- Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1956*(vắng mặt).*

- Cùng địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân Q, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long.

3.14/- Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1965*(vắng mặt).*

Địa chỉ: LAFAYE.Sangab. CA.

3.15/- Ông Huỳnh Ngọc T1, sinh năm 1968*(vắng mặt).*

Địa chỉ:Ấp Tân M, xã Tân L, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long.

3.16/- Bà Trần Thúy D1, sinh năm 1984*(vắng mặt).*

3.17/- Bà Trần Thúy O, sinh năm 1985*(vắng mặt).*

Cùng địa chỉ: Ấp Tân Lộc, xã Tân L, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà S, H, H1, N, S1, B, T, D, Q, M1, C, N1, N2, H2, T1, D1, O: Bà Nguyễn Thị P (*có mặt);*

3.18/- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bình T, tỉnh Vĩnh Long *(có văn bản số 157/Nho - BT ngày 15/8/2019 đề nghị được vắng mặt ở tất cả các phiên tòa).*

3.19/- Ban Bồi thường, hỗ trự tái định cư huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long (nay là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long),*(có văn bả xin vắng mặt ở tòa*) .

NỘI DUNG VỤÁN:

** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình tổ tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày.*

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ bà là cụ Nguyễn Văn H3 *(chết ngày 28/02/2000)* và cụ Trần Thị A *(chết năm 2009)* để lại; khi hai cụ chết không ai để lại di chúc. Cha mẹ bà có tổng cộng 08 người con gồm: 1. Ông Nguyễn Văn Đ *(chết năm 1997)*, ông Đ có 08 người con gồm: Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị S1, Nguyễn Thành B, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Kiều D. Hiện nay các con ông Đ đang sống ở tại huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long và không có phần đất nào để sinh sống; 2. Bà Nguyễn Thị G (chết năm 1978), bà G có 03 người con gồm: Tôn Văn Q, Tôn Văn M1, Tôn Thị Mỹ C. Hiện nay các con bà G đã có gia đình riêng đang sinh sống tại quận Ô M, thành phố cần Thơ; 3. Bà Nguyễn Thị B1 (chết năm 1973), bà B1 có 02 người con gồm: Huỳnh Thị Tuyết N1, Huỳnh Ngọc T1. Hiện nay, chị Huỳnh Thị Tuyết N1 và bà Nguyễn Thị N2 đang sinh sống trên căn nhà thờ bà A và ông H3 nhưng không có đất ở, còn anh Huỳnh Ngọc T1 đã có gia đình riêng ở xã Tân , thị xã Bình M, tỉnh Vĩnh Long; 4. Bà Nguyễn Thị P, hiện tại bà P đã có nhà ở riêng; 5. Ông Nguyễn Tấn P1; 6. Bà Nguyễn Thị N2; 7. Bà Nguyễn Thị M2 *(chết năm 2006)*, bà M2 chết có 02 người con gồm: Trần Thúy D1, Trần Thúy O. Hiện nay các con của bà M2 đã có nhà ở riêng; 8. Ông Nguyễn Văn H2 *(hiện đang định cư tại nước ngoài)*.

Lúc còn sống cha mẹ bà tạo lập được 02 thửa 362 và 363, loại đất thổ quả, tổng diện tích là 16.650m^2, đất tọa lạc tại ấp Thành Q, xã Thành Đ, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long. Năm 2009, ông P1 đến gặp mẹ bà là bà Trần Thị A và chị Huỳnh Thị Tuyết N1 hỏi mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đi đo đạc lại, sau đó mẹ bà là bà Trần Thị A có đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông P1 không có trả lại. Sau khi mẹ bà mất thì mới biết ông P1 đã sang tên đất từ năm 2004 nhưng người trực tiếp sử dụng đất là chị Huỳnh Thị Tuyết N1.

Trong năm 2009, Ủy ban nhân dân huyện Bình T có thu hồi diện tích 6.263,7m^2 đất để xây dựng khu hành chính huyện và khu vượt lũ nên đã bồi

thường số tiền 878.946.300 đồng. Hiện tại ông P1 đã nhận số tiền 100.000.000 đồng số tiền còn lại Ban quản lý dự án chưa thanh toán hết vì phần đất đang tranh chấp. Bà P có nhận của ông P1 số tiền 6.000.000 đồng để di dời mồ mả của chồng. Đồng thời, ông Nguyễn Thanh H cũng nhận số tiền 6.000.000 đồng của ông P1 để di dời mộ của cha ông H là ông Nguyễn Văn Đ.

Trên phần đất tranh chấp hiện nay có các cây trồng sau: xoài, dừa, bưởi, chuối, nhãn và trước đây bà Huỳnh Thị Tuyết N1 là người thu hoạch và quản lý cây trồng trên đất. Trên đất có cây bưởi là do mẹ của bà là bà Trần Thị A bỏ tiền ra để nhờ ông P1 mua về trồng trên đất, cây nhãn thì do ông Nguyễn Văn H2 trồng. Ngoài ra, trên đất tranh chấp có 01 căn nhà cấp 4 diện tích ngang 4m dài 8m, nền lót gạch men, vách tường xi măng, mái lợp tole. Hiện nay ông Nguyễn Tấn P1 đang quản lý sử dụng.

Bà yêu cầu chia đều làm 08 phần cho mỗi người con và yêu cầu nhận đất không nhận giá trị; nếu Tòa án giải quyết cho bà và các đồng thừa kế thì sẽ trả giá trị cây trồng trên đất cho ông Nguyễn Tấn P1.

* *Bị đơn ông Nguyễn Tấn P1 trình bày.* Ông là em ruột của bà P, nguồn gốc đất trên thực tế là tài sản riêng của mẹ ông để lại gồm 02 thửa 362 và 363, loại đất thổ quả, tổng diện tích là 16.650m^2, đất tọa lạc tại ấp Thành Q, xã Thành Đ, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long do mẹ ông là bà Trần Thị A đứng tên kê khai đăng ký quyền sử dụng đất từ trước năm 1975. Cha mẹ ông chết không để lại di chúc và có với nhau tổng cộng 08 người con như bà P đã trình bày. Vào ngày 19/7/2004 mẹ ông và ông đến Ủy ban nhân dân xã Thành Đ để làm thủ tục chuyển tên toàn bộ diện tích 16.65Om^2. Đen ngày 27/10/2004 thì ông được Ủy ban nhân dân huyện Bình M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai thửa đất 362 và 363.

Năm 2009, nhà nước có thu hồi phần đất trên theo như bà P trình bày và bồi hoàn số tiền 878.946.300 đồng, ông có nhận 100.000.000 đồng và đưa cho bà P, ông H mỗi người 6.000.000 đồng, phần còn lại là 88.000.000 đồng hiện nay đang quản lý.

* *Người cỏ quyên lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kiều D trình bày:* Chị thống nhất ý kiến của bà P, chị yêu cầu chia đều làm 08 phần cho các đông thừa kế và yêu cầu nhận đất, không nhận giá trị nếu Tòa án giải quyết cho các đồng thừa kế thì chị đề nghị trả giá trị cây trồng trên đất cho ông Nguyễn Tấn P1.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh H trình bày:* Ông đại diện các anh em ông, ông thống nhất ý kiến của bà P, ông yêu cầu chia đều làm 08 phần cho các đồng thừa kế và yêu cầu nhận đất, không nhận giá trị nếu Tòa án giải quyết cho các đồng thừa kế thì ông đề nghị trả giá trị cây

trồng trên đất cho ông Nguyễn Tấn P1, phần đất và tiền được nhận các anh em ông thống nhất giao cho bà P. Ông có nhận của ông P1 6.000.000 đồng để di dời mồ mã của cha ông.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Tuyết N1 đại diện cho ông Huỳnh Văn Tiến trình bày:* Chị thống nhất ý kiến của bà P,chị yêu cầu chia đều làm 08 phần cho các đồng thừa kế và yêu cầu nhận đất, không nhận giá trị nếu Tòa án giải quyết cho các đồng thừa kế thì chị đề nghị trả giá trị cây trồng trên đất cho ông Nguyễn Tấn P1. Phần đất và tiền mà chị và ông Tiến được hưởng sẽ giao cho bà P.

** Ông Tôn Văn M1 đại diện cho các anh em là Tôn Văn M1 và bà Tôn Thị Mỹ C trình bày:* Thống nhất với yêu cầu của bà P. Phần đất và phần tiền mà ông và các em ông được hưởng thống nhất giao cho bà P.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị S1, Nguyễn Thành B, Nguyễn Thanh T, Tôn Văn Q, Tôn Văn M1, Tôn Thị Mỹ C, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Văn H2, Huỳnh Ngọc T1, Trần Thúy D1, Trần Thúy O do bà Nguyễn Thị P làm đại diện trình bày:* thống nhất với ý kiến của nguyên đơn Nguyễn Thị P. Thống nhất giao phần đất và tiền các đồng thừa kế được hưởng giao cho bà P.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số:10/2012/DSST ngày 08/6/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, đã tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P.

- Áp dụng các Điều 642, 652, 653, 654, 656, 657, 674, 675, 676, 677 Bộ luật dân sự.

- Bà Nguyễn Thị P được hưởng phần đất chiết thửa 362+363 diện tích 4.549,lm^2 gắn liền cây trồng trên đất tọa lạc tại ấp Thành Q, xã Thành Đ, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long *(có sơ đồ khảo sát của sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long)*.

- Ông Nguyễn Tấn P1 được hưởng phần đất chiết thửa 362+363 diện tích 5.848,9m^2 gắn liền cây trồng trên đất tọa lạc tại ấp Thành Q, xã Thành Đ, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long (có sơ đồ khảo sát của sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long)

- Số tiền hiện Ban dự án khu tái định cư huyện Bình T giữ ông Nguyễn Tấn P1 được hưởng 394.407.000 đồng.

- Số tiền Ban dự án khu tái định cư huyện Bình T giữa bà P được hưởng 384.538.000 đồng.

- Ông P1 tiếp tục thực hiện hợp đồng vay với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thông Việt Nam - Chi nhánh huyện Bình T, nếu ông P1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì dành cho ngân hàng vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Tấn P1 có đơn kháng cáo.

* Tại bản án dân sự phúc thẩm số 73/2014/DS-PT ngày 03/4/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử: Hủy bản án sơ thẩm 10/2012/DSST ngày 08/6/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long và giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại sơ thẩm.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2014/DSST ngày 26/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc bà P yêu cầu chia phần di sản của ông ông H3 và bà A chết để lại gồm đất sau khi bị thu hôi còn lại 10.398,2m^2 và số tiền là 878.946.300 đồng *(Tám trăm bảy mươi tám triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm đồng)* thành 09 phần trong đó có 01 phần để thờ cúng.

Áp dụng các khoản 2 Điều 166, Điều 633, 645, 674, 675, 676, 677 Bộ luật dân sự 2005, diêm h khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2011. Điêu 131 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Điều 12 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012.

Tuyên xử:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia phần di sản của ông H3 chết để lại chưa chia gồm diện tích đất 5.199,lm^2 thuộc chiết thửa 362 và 363 và số tiền là 341.010.249 đồng (Ba trăm bốn mươi mốt triệu không trăm mười ngàn hai trăm bốn mươi chín đồng) giao cho Ban bồi thường hỗ trợ tái định cư huyện Bình T quản lý đến khi nào các đương sự có yêu cầu giải quyết bằng một bản án có hiệu lực pháp luật.

Công nhận cho ông Nguyễn Tấn P1 phần diện tích đất 5.199,lm^2 thuộc chiết thửa 362 và 363 gắn liền với cây trồng trên đất gồm các mốc 1, 6, a, d, 3, 2, 1. Tọa lạc tại ấp Thành Q, xã Thành Đ, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất và bảng phụ chú ngày 20/4/2012 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long)

Số tiền hiện ban bồi thường hỗ trợ khu tái định cư huyện Bình T giữ ông

P1 còn được hưởng số tiền 327.422.384 đồng (ba trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng).

Số tiền hiện ban bồi thường hỗ trợ khu tái định cư huyện Bình T giữ bàHuỳnh Thị Tuyết N1 được hưởng số tiền là 55.256.833 đồng (Năm mươi lămtriệu hai trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi ba đồng) giao cho bà P được nhận.

Số tiền hiện ban bồi thường hỗ trợ khu tái định cư huyện Bình T giữ bà Nguyễn Thị N2 được hưởng số tiền là 55.256.833 đồng *(Năm mươi lăm triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi ba đồng)* giao cho bà P được nhận.

Sau khi xét xử sơ thẩm bà Nguyễn Thị P có đơn kháng cáo.

* Tại bản án dân sự phúc thẩm số 158/2015/DSST ngày 29/9/2015 của Tòa nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xử: Hủy bản án sơ thẩm 15/2014/DSST ngày 26/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long và giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại sơ thẩm.

Ngày 24 tháng 11 năm 2015 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã thụ lý vụ án để giải quyết theo thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên các các lời trình bày. Tuy nhiên năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện Bình T có thu hồi thêm diện tích 1.938,7m^2 để xây dựng đường từ QL 54 đến trung tâm văn hóa huyện Bình T đã bồi thường số tiền 443.340.500 đồng.

Tổng cộng số tiền sau khi thu hồi đất hai lần tổng cộng là 1.322.286.800 đồng Ban quản lý dự án chưa thanh toán hết vì phần đất đang tranh chấp và đang gửi giữ ở ngân hàng nhưng bà không biết rõ ngân hàng nào.

Nay bà yêu cầu chia đều phần đất và tiền làm 08 phần cho mỗi người con và yêu cầu nhận đất không nhận giá trị nếu Tòa án giải quyết cho bà và các đồng thừa kế thì sẽ trả giá trị cây trồng trên đất cho ông Nguyễn Tấn P1.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn P1 vẫn giữ nguyên các ý kiến trình bày trước đây nhưng năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện Bình T có thu hồi thêm diện tích 1.938,7m^2 để xây dựng đường từ QL 54 đến trung tâm văn hóa huyện Bình T đã bồi thường số tiền 443.340.500 đồng.

Tổng cộng số tiền sau khi thu hồi đất hai lần tổng cộng là 1.322.286.800 đồng Ban quản lý dự án chưa thanh toán hết vì phần đất đang tranh chấp và đang gửi giữ ở Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long.

Khoảng năm 2010, ông mua lại nền đất thửa 188-74 khu 09, đất tọa lạc tại

tuyến dân cư vùng lũ ấp Thành Q, xã Thành Đ, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long do Ủy ban nhân dân huyện Bình T phê duyệt giá lô nền cho hộ ông Nguyễn Tấn P1 với tổng diện tích là 90m^2, giá trị 110.160.000 đồng hiện nay ông Nguyễn Tấn P1 đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 188-74.

Vềcây trồng trên đất chỉ có trồng các cây bưởi, nhãn, măng cục đều do ông P1 bỏ tiền ra mua về và trồng trên đất, ngoài ra còn có căn nhà cấp 4 diện tích ngang 4m dài 8m, nền lót gạch men, vách tường xi măng, mái lợp tole. Hiện nay ông đang quản lý sử dụng.

Ông đồng ý chia 01 nền nhà ngang 5m X dài 18,81m cho các con của ông Đ trên thửa đất 362 và 150.000.000 đồng riêng các phần còn lại ông P1 đồng ý chia 100.000.0000 đồng cho các đồng thừa kế.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do bà P làm đại diện thống nhất ý kiến của bà P.

Người có quyền lợi, nghĩ vụ liên quan Ban bồi thường, hỗ trợ tái định cư huyện Bình T (nay là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long) có công văn số 21/BQLDA ngày 14/3/2018 và công văn số 47/BQLDA ngày 16/7/2018 với nội dung: Ông Nguyễn Tấn P1 có đứng tên 03 sổ tiết kiện với tổng số tiền là 778.291.500 đồng và số tiền BQLDA huyện giao cho ông Bùi Văn D2 thủ quỹ cơ quan giữ sổ tiết kiện là 443.340.000 đồng. Ban quản lý đang giữ 04 sổ tiết kiện trên của ông Nguyễn Tấn P1 tại cơ quan. Số tiền trong sổ tiết kiệm không tính phần lãi phát sinh tại thời điểm hiện nay. Sau khi Tòa án các cấp xử giao cho người nào đuợc sử dụng số tiền nêu trên thì Ban quản lý đầu tư huyện Bình T sẽ thực hiện theo bản án có hiệu lực của quý Tòa. Ngoài ra Ban quản lý dự án xây dựng huyện Bình T bận đi công tác nên xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long và Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh Bình T có công văn số 43/NHNoVL-KTBT ngày 22/3/2018 và công văn số 83/NHNoBT ngày 26/6/2018 với nội dung: Ông Nguyễn Tấn P1 có gửi tiết kiện tại ngân hàng số tiền 1.368.422.900 đồng và 3.654.800 đồng tiền lãi của các sổ tiệt kiệm đến ngày 22/3/2018.

Ủy ban nhân dân huyện Bình T có công văn số 913/UBND-NC ngày 26/12/2018 với nội dung: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 362 và 363 là đúng với quy định của pháp luật.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 15/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng các Điều 676, 677, 685 Bộ luật dân sự 2005, Điều 37, 165, 227, 228, điểm d, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, Án lệ số 05/2016/AL và án lệ số 26/2018/AL, Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

1.1/- Công nhận phần đất tách thửa 363, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 6.370,8m^2 loại đất cây lâu năm quả gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, A, 1 tọa lạc tại ấp Thành Q, xã Thành Đ, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long và toàn bộ cây trồng, công trình vật kiến trúc gắn liền với phần đất diện tích 6.370,8m^2 cho bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị N2, các con ông Đ (Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị S1, Nguyễn Thành B, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Kiều D); con của bà Nguyễn Thị G (Tôn Văn Q, Tôn Văn M1, Tôn Thị Mỹ C); con của bà Nguyễn Thị M2 (Trần Thúy D1, Trần Thúy O) do bà P làm đại diện đứng tên sở hữu chung. (Kèm theo trích đo bản đô địa chính khu đất ngày 08/02/2018 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long).

1.2/- Công nhận cho ông Nguyễn Tấn P1 được hưởng phần đất tách thửa 363, tờ bản đồ số 6, diện tích 629,9m^2 loại đất cây lâu năm quả gồm các mốc 2, 3, b, a, 2 và phần đất thửa đất 362, tờ bản đồ số 6, diện tích 669,7m^2 loại đất OTN+ CLN1 gồm các mốc 1, a, b, 4, 1 tọa lạc tại ấp Thành Q, xã Thành Đ, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long và toàn bộ cây trồng trên đất, công trình vật kiến trúc trên đất. (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 08/02/2018 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long).

1.3/- Công nhận cho ông Nguyễn Tấn P1 được hưởng phần đất tách thửa 363, tờ bản đồ số 6, diện tích 910,6m^2 gồm các mốc 5, 6, 7, 8, 9, A, 5 tọa lạc tại ấp Thành Q, xã Thành Đ, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long và toàn bộ cây trồng, công trình vật kiến trúc trên đất. (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 08/02/2018 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long).

1.4/- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối vói phần đất thửa 474 diện tích 90m^2 loại đất ở nông thôn tọa lạc tại ấp Thành Q, xã Thành Đ, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long.

1.5/- Công nhận cho ông Nguyễn Tấn P1 được hưởng phần đất thửa 474 diện tích 90m^2 loại đất ở nông thôn gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 1 tọa lạc tại ấp

Thành Q, xã Thành Đ, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long. (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 08/02/2018 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long).

Các đương sự có quyền đến cơ, quan có thẩm quyền để đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.6/- Buộc ông Nguyễn Tấn P1 hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị P và các đồng thừa kế ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị N2, các con ông Đ (Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị S1, Nguyễn Thành B, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Kiều D); con của bà Nguyễn Thị G (Tôn Văn Q, Tôn Văn M1, Tôn Thị Mỹ C); con của bà Nguyễn Thị M2 (Trần Thúy D1, Trần Thúy O) do bà P làm đại diện nhận số tiền 30,272.000 đồng (Ba mươi triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

1.7/- Buộc bà Nguyễn Thị P và các đồng thừa kế ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị N2, các con ông Đ (Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị S1, Nguyễn Thành B, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Kiều D); con của bà Nguyễn Thị G (Tôn Văn Q, Tôn Văn M1, Tôn Thị Mỹ C); con của bà Nguyễn Thị M2 (Trần Thúy D1, Trần Thúy o.anh) hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn P1 số tiền cây trồng do ông P1 trồng và tiền xây dựng hàng rào là 96.413.000 đồng (Chín mươi sáu triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng).

1.8/- Công nhận cho bà Nguyễn Thị P và các đồng thừa kế ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị N2, các con ông Đ (Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị S1, Nguyễn Thành B,Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Kiều D); con của bà Nguyễn Thị G (Tôn Văn Q, Tôn Văn M1, Tôn Thị Mỹ C); con của bà Nguyễn Thị M2 (Trần Thúy D1, Trần Thúy O) do bà P làm đại diện nhận số tiền bồi hoàn thu hồi đất của Ban Quản lý dự án huyện Bình T đang gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh Bình T với tổng số tiền là 1.429.279.000 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng) và số tiền lãi phát sinh tương ứng với số tiền được nhận.

1.9/- Công nhận cho ông Nguyễn Tấn P1 được nhận số tiền bồi hoàn thu hồi đất của Ban Quản lý dự án huyện Bình T đang gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh Bình T với tổng số tiền là 480.159.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng) và số tiền lãi phát sinh tương ứng với số tiền được nhận.

2/- Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và bị đơn ông Nguyễn Tấn P1.

2.2/- Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho các đồng thừa kế là ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị N2, các con ông Đ (Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị S1, Nguyễn Thành B, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Kiều D); con của bà Nguyễn Thị G (Tôn Văn Q, Tôn Văn M1, Tôn Thị Mỹ C); con của bà Nguyễn Thị M2 (Trần Thúy D1, Trần Thúy O) với tổng số tiền là 81.708.000 đồng (Tám mươi mốt triệu bảy trăm lẻ tám nghìn đồng).

2.3/- Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ nộp thay tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Huỳnh Thị Tuyết N1 với số tiền 5.528.680 đồng (Năm triệu năm trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi đồng).

2.4/- Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ nộp thay tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị N2 với số tiền 5.528.680 đồng (Năm triệu năm trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi đồng).

2.5/- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 6.565.000 đồng (sáu triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 002508 ngày 14/10/2010 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

2.6/- Hoàn trả cho ông Tôn Văn M1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.190.000 đồng (hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 002511 ngày 14/10/2010 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

2.7/- Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 2.190.000 đồng (hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 002512 ngày 14/10/2010 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

2.8/- Hoàn trả cho bà Trần Thị Thúy D1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.190.000 đồng (theo biên lai thu số 002509 ngày 14/10/2010 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

2.9/- Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Tuyết N1 số tiền 2.190.000 đồng (hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sir sơ thẩm theo biên lai thu số 002510 ngày 14/10/2010 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3/- Chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tài sản và giám định chữ ký:

3.1/- Buộc bà Nguyễn Thị P chịu số tiền chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản là 17.429.125 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm hai mươi chính nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) bà P đã nộp xong không phải nộp tiếp.

3.2/- Buộc ông P1 phải chịu số tiền chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản là 2.489.875 đồng (Hai triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng), do bà P đã tạm ứng trước nên buộc ông P1 phải hoàn trả cho bà P số tiền 2.489.875 đồng (Hai triệu bốn trắm tám mươi chính nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

3.3/- Buộc bà Nguyễn Thị P nộp số tiền chi phí giám định chữ ký là 4.200.000 đồng bà P đã nộp xong không phải nộp tiếp.,

3.4/- Buộc ông Nguyễn Tấn P1 nộp số tiền chi phí giám định chữ ký là 4.500.000 đồng ông P1 đã nộp xong không phải nộp tiếp.

- Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của những người tham gia theo luật định.

* Đến ngày 27/02/2019 ông Nguyễn Tấn P1 kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND xã Thành Đông, huyện Bình M(nay là huyện Bình T) tỉnh Vĩnh Long đã cấp cho ông. Xem xét lại nội dung bản án sơ thẩm và xem xét lại công sức lao động, cải tạo đất gìn giữ từ năm 2004 đến nay để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông P1.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Tấn P1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; Các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về giải quyết tranh chấp vụ án, đồng thời vẫn nguyên quan điểm trình bày và yêu cầu của các bên.

Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phân tích đánh giá chứng cứ cho rằng các nội dung mà Bản án sơ thẩm tuyên xử là có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm các bên không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì mới, nên không làm thay đổi nội dung vụ án. Đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tấn P1, giữ

nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra qua lời trình bày của các bên đương sự, Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến đề nghị củaKiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]- Xét kháng cáo của ông Nguyễn Tấn P1.

[2.1] Ông Nguyễn Tấn P1 cho rằng cụ Nguyễn Văn H3 chết ngày 28/02/2000, nên đã hết thời hiệu khởi kiện, nhưng bản án sơ thẩm lại áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để cho rằng còn thời hiệu khởi kiện là không đúng. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Ngày 01/02/2010 bà Nguyễn Thị P; Nguyễn Thị B1; Huỳnh Thị Tuyết N1; Nguyễn Thị N2 có đơn thưa tranh chấp về việc kê khai đăng ký quyền sử dụng đất của Nguyễn Tấn P1 là bất hợp pháp yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P1 để lập thủ tục chia thừa kế quyền sử dụng đất; tại biên bản hòa giải của ấp Thành Quới bà P có yêu cầu đo đất đai của mẹ là cụ Trần Thị A để lại.

- Ngày 09/07/2010 bà P, bà B1, bà N1, bà N2 đều có yêu cầu được làm thủ tục thừa kế quyền sử dụng đất.

- Ngày 02/08/2010 bà P có đơn khởi kiện nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Như vậy tại thời điểm ngày 01/02/2010 khi còn trong thời hiệu khởi kiện bà Nguyễn Thị P đã có đơn khiếu nại gửi đến những cơ quan có thẩm quyền bước đầu là ấp Thành Q, xã Thành Đ, huyện Bình M, tỉnh Vĩnh Long để yêu cầu giải quyết tranh chấp di sản của cụ Nguyễn Văn H3 để lại nên được xem là hành vi khởi kiện chia thừa kế.

Căn cứ Điều 645 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định thời hiệu khởi kiện về thừa kế *"Thời hiệu khởi kiện để người thừa kế yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là 10 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế ..."*

Ngày 15/02/2019 Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo trình tự sơ thẩm thụ lý số 28/2015/TL-DSST ngày 24/11/2015 căn cứ Điều 623; điểm d khoản 1 Điều 688 của BLDS năm 2015 và án lệ số 26/2018/AL để xác định thời hiệu chia thừa kế di sản của cụ H3 và cụ A là có căn cứ.

[2.2]- Ông Nguyễn Tấn P1 cho rằng nguồn gốc đất hai thửa 362 và 362 tổng cộng 16.500.000m^2 tọa lạc tại ấp Thành Q, xã Thành Đ, huyện Bình M, tỉnh Vĩnh Long là do mẹ ông là cụ A đứng tên cá nhân quyền sử dụng đất số

G475901 ngày 01/10/1996. Vào ngày 19/07/2014 đã làm thủ tục chuyển nhượng toàn bộ cho ông có sự chứng kiến của cán bộ địa chính xã và phó chủ tịch xã xác nhận trên hợp đồng đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình M cấp quyền sử dụng đất số P73689. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Xét nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Nguyễn Văn H3 (chết ngày 28/02/2000) và cụ Trần Thị A (chết năm 2009) để lại. Gồm hai thửa 362 và 363 loại đất thổ quả tổng diện tích 16.650m^2 tọa lạc tại ấp Thành Q, xã Thành Đ, huyện Bình M, tỉnh Vĩnh Long. Khi chết không để lại di chúc toàn bộ hai diện tích đất này do ông Nguyễn Tấn P1 quản lý.

- Vào năm 2009 Ủy ban nhân dân huyện Bình T có thu hồi 6.263,7m^2 để xây dựng khu hành chính huyện và khu vượt lũ nên đã bồi thường số tiền 878.946.300 đồng, diện tích còn lại thực tế là 10.398,2m^2 (ông P1 đã nhận 100.000.000 đồng, số còn lại ban quản lý dự án chưa thanh toán hết vì phần đất còn đang tranh chấp). Ông P1 xác định đã đưa cho bà P 6.000.000 đồng; đưa cho ông Nguyễn Thanh H 6.000.000 đồng.

- Năm 2014 Ủy ban nhân dân huyện Bình T thu hồi thêm 1.938,7m^2 để xây dựng đường từ QL54 đến trung tâm Văn hóa huyện Bình T đã bồi thường số tiền 443.340.500 đồng, diện tích còn lại thực tế là 8.447,5m^2.

Như vậy diện tích thực tế còn lại là 8.447,7m^2 , tổng số tiền sau khi thu hồi 2 lần tổng cộng là 1.322.286.800 đồng ban quản lý dự án chưa thanh toán hết vì đất đang tranh chấp và số tiền hiện đang gửi giữ ở Ngân hàng Nông Nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long.

- Tại công văn số 18/UBND ngày 17/10/2017 xác định hợp đồng số 60/CN ngày 19/07/2014 là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có bà A trực tiếp ký tên vào sổ bộ của Ủy ban nhân dân xã và khi ký tên có mặt ông Trần Văn Đào (nguyên cán bộ địa chính xã).

- Tuy nhiên phía nguyên đơn xác định hợp đồng nói trên không phải chữ ký của bà A. Căn cứ kết quả giám định số 2276 ngày 21/11/2013 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an thì chữ ký của cụ A tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 19/07/2014 không phải do cụ A ký. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ A với ông P1.

[2.3] Theo ông P1 tất cả các cây trồng trên đất là do ông trồng vào năm 2004 trước khi nhà nước thu hồi đất:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện toàn bộ hai diện tích đất do cụ A và cụ H3 chết để lại hiện ông P1 đang quản lý thực trạng có thay đổi do nhà nước đã thu hồi hai lần còn lại là 8.447,7m^2 trên đất có một căn nhà cấp 4, một căn nhà tạm cùng chuồng gia súc và hàng rào. Đối với các cây trồng trên đất xác định cụ Trần Thị A trồng để lại gồm 56 cây nhãn loại D, 07 cây dừa loại D, 03 cây bưởi loại D.

Bà P được hưởng cây trồng trên diện tích 6.3370,8m^2 .Phần cây trồng của

ông P1 trồng trên phần đất diện tích 6.370,8m^2 giao cho bà P được hưởng bao gồm 740 cây chuối loại D, 04 cây vú sữa loại B, 107 cây bưởi loại B, 10 cây xoài loại B, 37 cây măng cụt loại A, 01 cây mận loại B, 04 cây đu đủ loại B, 02 cây cam loại A, 110 cây ổi loại B, 09 cây mãng cầu loại A tổng giá trị cây trồng ông P1 trồng là 39.169.000 đồng. Căn cứ vào biên bản khảo sát và đo đạt định giá tài sản ngày 20/09/2017 của Hội đồng khảo sát đo đạt định giá tài sản của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long và sự thống nhất giữa nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; tất cả các đương sự đều thống nhất theo biên bản định giá ngày 23/10/2014.Nhưng đến ngày 20/9/1017 khi Hội đồng định giá lại thì bà P xác định trên đất có các cây trồng của bà A khác với đinh giá ngày 23/10/2014. Do các đương sự không thống nhất được với nhau và cũng không xác định được thực tế cây trồng giữa cụ A và ông P1. Cấp sơ thẩm đã áp dụng hình thức dùng số tiền được bồi thường, hỗ trợ của dự án để chia làm hai phần, theo đó buộc bà P và các đồng thừa kế có trách nhiệm hoàn trả giá trị cây trồng cho ông P1 với số tiền 39.169.000 đồng là phù hợp đúng quy định của pháp luật.

[3]- Xét về kết quả chia thừa kế theo pháp luật của bản án sơ thẩm, đã có xem xét đầy đủ về công sức đóng củaông Nguyễn Tấn P1, về giao hiện vật cho các bên được hưởng là phù hợp, đúng quy định của pháp luật, cũng như đúng với nội dung của các bản án lệ số 05/2016/AL và án lệ số 26/2018/AL đã giãi quyết.

[4]- Tại phiên Tòa phúc thẩm ông P1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nhưng không đưa ra được những tình tiết nào mới làm phát sinh, thay đổi các nội dung, quyết định của bản án sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để xem xét.

[5]- Từ những nhận định và phân tích trên. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc yêu cầu chia tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn H3 và cụ Trần Thị A chết để lại gồm hai diện tích đất tại thửa 362 và 363 tọa lạc tại ấp Thành Q, xã Thành Đ, huyện Bình M, tỉnh Vĩnh Long là có cơ sở, đúng pháp luật.

Vì vậy, kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tấn P1, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị này phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[6]- Do kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Nguyễn Tấn P1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luậ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tấn P1. Giữ nguyên Bản án án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 15/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Áp dụng các Điều 676, 677, 685 Bộ luật dân sự 2005. Các Điều 37, 165, 227, 228; điểm d, khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015. Án lệ số 05/2016/AL và án lệ số 26/2018/AL. Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P.

1.1/- Công nhận phần đất tách thửa 363, tờ bản đồ số 6, diện tích đo đạc thực tế là 6.370,8m^2 loại đất cây lâu năm quả gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 5, A, 1 tọa lạc tại ấp Thành Q, xã Thành Đ, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long và toàn bộ cây trồng, công trình vật kiến trúc gắn liền với phần đất diện tích 6.370,8m^2 cho bà Nguyễn Thị P, ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị N2, các con ông Đ (Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị S1, Nguyễn Thành B, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Kiều D); con của bà Nguyễn Thị G (Tôn Văn Q, Tôn Văn M1, Tôn Thị Mỹ C); con của bà Nguyễn Thị M2 (Trần Thúy D1, Trần Thúy O) do bà P làm đại diện đứng tên sở hữu chung. (Kèm theo trích đo bản đô địa chính khu đất ngày 08/02/2018 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long).

1.2/- Công nhận cho ông Nguyễn Tấn P1 được hưởng phần đất tách thửa 363, tờ bản đồ số 6, diện tích 629,9m^2 loại đất cây lâu năm quả gồm các mốc 2, 3, b, a, 2 và phần đất thửa đất 362, tờ bản đồ số 6, diện tích 669,7m^2 loại đất OTN+ CLN1 gồm các mốc 1, a, b, 4, 1 tọa lạc tại ấp Thành Q, xã Thành Đ, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long và toàn bộ cây trồng trên đất, công trình vật kiến trúc trên đất. (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 08/02/2018 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long).

1.3/- Công nhận cho ông Nguyễn Tấn P1 được hưởng phần đất tách thửa 363, tờ bản đồ số 6, diện tích 910,6m^2 gồm các mốc 5, 6, 7, 8, 9, A, 5 tọa lạc tại ấp Thành Q, xã Thành Đ, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long và toàn bộ cây trồng, công trình vật kiến trúc trên đất. (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 08/02/2018 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long).

1.4/- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối vói phần đất thửa 474 diện tích 90m^2 loại đất ở nông thôn tọa lạc tại ấp Thành Q, xã Thành Đ, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long.

1.5/- Công nhận cho ông Nguyễn Tấn P1 được hưởng phần đất thửa 474 diện tích 90m^2 loại đất ở nông thôn gồm các mốc 1, 2, 3, 4, 1 tọa lạc tại ấp

Thành Q, xã Thành Đ, huyện Bình T, tỉnh Vĩnh Long. (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 08/02/2018 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long).

Các đương sự có quyền đến cơ, quan có thẩm quyền để đăng ký lại quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

1.6/- Buộc ông Nguyễn Tấn P1 hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị P và các đồng thừa kế ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị N2, các con ông Đ (Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị S1, Nguyễn Thành B, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Kiều D); con của bà Nguyễn Thị G (Tôn Văn Q, Tôn Văn M1, Tôn Thị Mỹ C); con của bà Nguyễn Thị M2 (Trần Thúy D1, Trần Thúy O) do bà P làm đại diện nhận số tiền 30,272.000 đồng (Ba mươi triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

1.7/- Buộc bà Nguyễn Thị P và các đồng thừa kế ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị N2, các con ông Đ (Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị S1, Nguyễn Thành B, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Kiều D); con của bà Nguyễn Thị G (Tôn Văn Q, Tôn Văn M1, Tôn Thị Mỹ C); con của bà Nguyễn Thị M2 (Trần Thúy D1, Trần Thúy o.anh) hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn P1 số tiền cây trồng do ông P1 trồng và tiền xây dựng hàng rào là 96.413.000 đồng (Chín mươi sáu triệu bốn trăm mười ba nghìn đồng).

1.8/- Công nhận cho bà Nguyễn Thị P và các đồng thừa kế ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị N2, các con ông Đ (Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị S1, Nguyễn Thành B,Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Kiều D); con của bà Nguyễn Thị G (Tôn Văn Q, Tôn Văn M1, Tôn Thị Mỹ C); con của bà Nguyễn Thị M2 (Trần Thúy D1, Trần Thúy O) do bà P làm đại diện nhận số tiền bồi hoàn thu hồi đất của Ban Quản lý dự án huyện Bình T đang gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh Bình T với tổng số tiền là 1.429.279.000 đồng (Một tỷ bốn trăm hai mươi chín triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng) và số tiền lãi phát sinh tương ứng với số tiền được nhận.

1.9/- Công nhận cho ông Nguyễn Tấn P1 được nhận số tiền bồi hoàn thu hồi đất của Ban Quản lý dự án huyện Bình T đang gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh Bình T với tổng số tiền là 480.159.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu một trăm năm mươi chín nghìn đồng) và số tiền lãi phát sinh tương ứng với số tiền được nhận.

2/- Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị P và bị đơn ông Nguyễn Tấn P1.

2.2/- Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho các đồng thừa kế là ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị N2, các con ông Đ (Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị S1, Nguyễn Thành B, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thị Kiều D); con của bà Nguyễn Thị G (Tôn Văn Q, Tôn Văn M1, Tôn Thị Mỹ C); con của bà Nguyễn Thị M2 (Trần Thúy D1, Trần Thúy O) với tổng số tiền là 81.708.000 đồng (Tám mươi mốt triệu bảy trăm lẻ tám nghìn đồng).

2.3/- Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ nộp thay tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Huỳnh Thị Tuyết N1 với số tiền 5.528.680 đồng (Năm triệu năm trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi đồng).

2.4/- Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ nộp thay tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị N2 với số tiền 5.528.680 đồng (Năm triệu năm trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi đồng).

2.5/- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền 6.565.000 đồng (sáu triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 002508 ngày 14/10/2010 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

2.6/- Hoàn trả cho ông Tôn Văn M1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.190.000 đồng (hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 002511 ngày 14/10/2010 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

2.7/- Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh H số tiền 2.190.000 đồng (hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 002512 ngày 14/10/2010 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

2.8/- Hoàn trả cho bà Trần Thị Thúy D1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 2.190.000 đồng (theo biên lai thu số 002509 ngày 14/10/2010 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

2.9/- Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Tuyết N1 số tiền 2.190.000 đồng (hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sựsơ thẩm theo biên lai thu số 002510 ngày 14/10/2010 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

2.10/- Buộc ông Nguyễn Tấn P1 phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Tấn P1 đã có nộp tạm ứng 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0001245 ngày 27/02/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, sẽ được khấu trừ trong giai đoạn thi hành án.

3/- Chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tài sản và giám định chữ ký:

3.1/- Buộc bà Nguyễn Thị P chịu số tiền chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản là 17.429.125 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm hai mươi chính nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) bà P đã nộp xong không phải nộp tiếp.

3.2/- Buộc ông P1 phải chịu số tiền chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản là 2.489.875 đồng (Hai triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng), do bà P đã tạm ứng trước, nên buộc ông P1 phải hoàn trả cho bà P số tiền 2.489.875 đồng (Hai triệu bốn trắm tám mươi chính nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

3.3/- Buộc bà Nguyễn Thị P nộp số tiền chi phí giám định chữ ký là 4.200.000 đồng bà P đã nộp xong không phải nộp tiếp.,

3.4/- Buộc ông Nguyễn Tấn P1 nộp số tiền chi phí giám định chữ ký là 4.500.000 đồng ông P1 đã nộp xong không phải nộp tiếp.

- Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, THCTP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Quốc Khởi